

Số: 170/2026/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 3355/2025/TLST-DS ngày 08/10/2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**

Trụ sở: Số B N, phường C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tuấn H sinh năm 1989

Địa chỉ liên lạc: Lầu B, số B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn:

- Ông **Bùi Minh H1**, sinh năm 1976;

- Bà **Nguyễn Lê Minh X**, sinh năm 1978.

Cùng nơi cư trú: Số I đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Bùi Minh H, bà Nguyễn Lê Minh X có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/6/2026 là 349.265.493 (ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng (trong đó nợ gốc là 165.490.206 đồng và nợ lãi là 183.775.287 đồng).

Kể từ ngày 01/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Minh H, bà Nguyễn Lê Minh X còn tiếp tục thanh toán lãi suất của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất tại Hợp đồng cho vay số 1212/2016/HĐTD/PVB-PGD.KH ngày 23/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Bùi Minh H1, bà Nguyễn Lê Minh X.

- Phương thức thanh toán: Ông Bùi Minh H1, bà Nguyễn Lê Minh X thanh toán một lần toàn bộ số nợ nêu trên, hạn chót thanh toán là ngày 30/9/2026.

- Ngay khi ông Bùi Minh H1, bà Nguyễn Lê Minh X thanh toán xong khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng TMCP Đ có trách nhiệm hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 235476 do Phòng C - Công an Thành phố C cấp ngày 21/12/2016 đổi

với 01 xe ô tô Nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: CRUZE; số chỗ ngồi: 05 chỗ ngồi; màu sơn: Nâu; số khung: RLLJF696EGH940273; số máy: F16D3162870565; biển kiểm soát: 51G-227.64 cho ông Bùi Minh H1 và bà Nguyễn Lê Minh X.

- Nếu đến hạn thanh toán, ông Bùi Minh H1, bà Nguyễn Lê Minh X không trả được nợ hoặc trả nợ chưa đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô Nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: CRUZE; số chỗ ngồi: 05 chỗ ngồi; màu sơn: Nâu; số khung: RLLJF696EGH940273; số máy: F16D3162870565; biển kiểm soát: 51G-227.64 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 235476 do Phòng C - Công an Thành phố C cấp cho ông Bùi Minh H1 ngày 21/12/2016 để đảm bảo việc thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Bùi Minh H1, bà Nguyễn Lê Minh X đối với Ngân hàng TMCP Đ. Nếu số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ, thì ông Bùi Minh H1, bà Nguyễn Lê Minh X phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng; Nếu số tiền có được từ việc bán và xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ thanh toán, thì số tiền chênh lệch được trả cho ông Bùi Minh H1, bà Nguyễn Lê Minh X

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Minh H1 và bà Nguyễn Lê Minh X liên đới tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.731.637 (tám triệu bảy trăm ba mươi một nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng;

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 6.792.000 (sáu triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn) đồng cho Ngân hàng TMCP Đ đã theo biên lai thu số 0023198 ngày 06/10/2025 tại Cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố H

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 1;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

THẨM PHÁN



Nguyễn Trần Hồng Loan